

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc cung cấp, nhận thông tin, lập, theo dõi, dự báo và phân tích cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

2. Các Bộ:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Bộ Tài chính;

c) Bộ Công Thương;

d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Các cá nhân và tổ chức khác cung cấp thông tin phục vụ việc lập, phân tích và dự báo cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người cư trú và người không cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là người cư trú và người không cư trú) được xác định theo quy định của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTV ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013.

2. Cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam (sau đây gọi tắt là cán cân thanh toán) là báo cáo thống kê tổng hợp các giao dịch giữa người cư trú và người không cư trú trong một thời kỳ nhất định.

3. Giá trị hàng hóa tính theo giá F.O.B (free on board) là giá trị hàng hóa không bao gồm bảo hiểm và cước vận chuyển hàng hóa.

4. Tài sản phi tài chính, phi sản xuất bao gồm các hợp đồng, hợp đồng cho thuê, giấy phép của các nhãn hiệu, thương hiệu, biểu tượng, tên miền, quyền sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giấy phép hoạt động và quyền độc quyền mua một hàng hóa hay một dịch vụ.

5. Thay đổi dự trữ ngoại hối Nhà nước chính thức là sự tăng hoặc giảm dự trữ ngoại hối Nhà nước chính thức do giao dịch tạo ra trong kỳ báo cáo.

6. Điều chỉnh số liệu cán cân thanh toán là việc sửa đổi số liệu đã công bố trước đó trên cơ sở rà soát, đối chiếu, so sánh các nguồn số liệu nhằm đảm bảo tính chính xác, tuân thủ đúng nguyên tắc, phạm vi thống kê cán cân thanh toán.

Điều 4. Đơn vị cung cấp và nhận thông tin lập cán cân thanh toán

1. Đơn vị cung cấp thông tin: Các đối tượng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

2. Đơn vị nhận thông tin: Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc cung cấp và nhận thông tin

1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

2. Thống nhất về mẫu biểu báo cáo, phương pháp tính, đơn vị đo lường, thời hạn và phương thức cung cấp.

3. Không trùng lặp, chồng chéo giữa các chỉ tiêu cung cấp.

Điều 6. Loại thông tin cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước

1. Loại thông tin do các Bộ cung cấp, bao gồm:

a) Chủ trương, chính sách, kế hoạch, chiến lược phát triển - kinh tế xã hội của Việt Nam trong từng thời kỳ liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa,

dịch vụ, lao động, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài, vay trả nợ nước ngoài ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách, kế hoạch, chiến lược đó;

b) Các thông tin theo mẫu biểu báo cáo quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV Nghị định này;

c) Các thông tin khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để phục vụ việc lập, phân tích và dự báo cán cân thanh toán.

2. Loại thông tin do các cá nhân, tổ chức khác cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định tại các cuộc điều tra thống kê định kỳ hoặc đột xuất phục vụ việc lập, phân tích, dự báo cán cân thanh toán.

Điều 7. Phương thức cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước

1. Đối với những thông tin không thuộc danh mục bảo vệ bí mật Nhà nước, các tổ chức, cá nhân cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước theo phương thức sau:

a) Bằng văn bản, fax có chữ ký và xác nhận của cấp có thẩm quyền;

b) Các phương thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng trường hợp cụ thể.

2. Đối với những thông tin thuộc danh mục bảo vệ bí mật Nhà nước: Các tổ chức, cá nhân cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Chương II

LẬP, THEO DÕI, PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO CÁN CÂN THANH TOÁN

Điều 8. Nguyên tắc lập cán cân thanh toán

1. Phù hợp với thông lệ quốc tế về thống kê cán cân thanh toán và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

2. Đơn vị tiền tệ lập cán cân thanh toán là đồng đôla Mỹ (USD).

3. Tỷ giá quy đổi đồng Việt Nam (VND) sang USD là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

4. Quy đổi các ngoại tệ không phải USD sang USD được thực hiện như sau:

a) Quy đổi ngoại tệ sang VND theo tỷ giá tính chéo của VND so với loại ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước công bố để tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu áp dụng trong kỳ báo cáo;

b) Sau khi quy đổi sang VND, việc quy đổi sang USD được thực hiện theo tỷ giá quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Thời điểm thống kê các giao dịch là thời điểm thay đổi quyền sở hữu giữa người cư trú và người không cư trú.

6. Giá trị của giao dịch được xác định theo nguyên tắc thị trường tại thời điểm giao dịch.

Điều 9. Định kỳ, thời hạn lập và phân tích cán cân thanh toán

1. Cán cân thanh toán được lập và phân tích theo định kỳ quý, năm.

2. Thời hạn báo cáo cán cân thanh toán:

a) Cán cân thanh toán quý được lập và phân tích trong thời gian 45 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo;

b) Cán cân thanh toán năm được lập và phân tích trong thời gian 60 ngày kể từ khi kết thúc năm báo cáo.

Điều 10. Điều chỉnh số liệu cán cân thanh toán

Ngân hàng Nhà nước thực hiện điều chỉnh số liệu cán cân thanh toán như sau:

1. Số liệu cán cân thanh toán quý trước được điều chỉnh trong các kỳ báo cáo quý tiếp theo.

2. Số liệu cán cân thanh toán năm trước được điều chỉnh trong các kỳ báo cáo tiếp theo.

Điều 11. Dự báo cán cân thanh toán

1. Định kỳ vào tháng 9 hàng năm, Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các Bộ quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định này để lập dự báo các hạng mục chính của cán cân thanh toán năm tiếp theo, bao gồm dự báo của cả năm và dự báo của các quý trong năm, phục vụ công tác điều hành chính sách tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

2. Định kỳ hàng quý, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các Bộ quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định này xem xét, điều chỉnh dự báo cán cân thanh toán phù hợp với xu hướng diễn biến tình hình kinh tế thế giới và trong nước.

Điều 12. Thời hạn cung cấp thông tin, số liệu cho Ngân hàng Nhà nước

1. Thời hạn cung cấp thông tin, số liệu lập, phân tích cán cân thanh toán:

a) Thông tin, số liệu lập, phân tích cán cân thanh toán quý và số liệu điều chỉnh của các kỳ báo cáo trước (nếu có) được cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước chậm nhất vào ngày 30 tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo;

b) Thông tin, số liệu lập, phân tích cán cân thanh toán năm và số liệu điều chỉnh của các kỳ báo cáo trước (nếu có) được cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo ngay sau năm báo cáo.

2. Thời hạn cung cấp thông tin, số liệu dự báo cán cân thanh toán:

Thông tin, số liệu phục vụ việc dự báo cán cân thanh toán năm được cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước chậm nhất vào ngày 10 tháng 9 của năm trước liền kề.

Điều 13. Cơ cấu, nội dung chủ yếu của cán cân thanh toán

1. Cán cân thanh toán bao gồm các hạng mục chính như sau:

a) Cán cân vãng lai bao gồm toàn bộ các giao dịch giữa người cư trú và người không cư trú về hàng hóa, dịch vụ, thu nhập của người lao động, thu nhập từ đầu tư, chuyển giao vãng lai được quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Nghị định này;

b) Cán cân vốn bao gồm toàn bộ các giao dịch giữa người cư trú và người không cư trú về chuyển giao vốn được quy định tại Điều 18 của Nghị định này và mua, bán các tài sản phi tài chính, phi sản xuất của khu vực Chính phủ và khu vực tư nhân;

c) Cán cân tài chính bao gồm toàn bộ các giao dịch giữa người cư trú và người không cư trú về đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, giao dịch phái sinh tài chính, vay, trả nợ nước ngoài, tín dụng thương mại, tiền và tiền gửi được quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 của Nghị định này;

d) Lỗi và sai sót là phần chênh lệch giữa tổng của cán cân vãng lai, cán cân vốn, cán cân tài chính với cán cân thanh toán tổng thể;

đ) Cán cân thanh toán tổng thể được xác định bằng thay đổi dự trữ ngoại hối Nhà nước chính thức do giao dịch tạo ra trong kỳ báo cáo.

2. Nội dung chi tiết của các hạng mục thuộc cán cân thanh toán được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 14. Hàng hóa

1. Hàng hóa được thống kê trong cán cân thanh toán bao gồm tất cả các loại hàng hóa có sự thay đổi về quyền sở hữu giữa người cư trú và người không cư trú.

2. Giao dịch về hàng hóa bao gồm xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa. Giá trị hàng hóa xuất, nhập khẩu được định giá theo giá FOB tại cửa khẩu của nước xuất khẩu.

3. Các trường hợp không được thống kê trong hạng mục hàng hóa gồm:

a) Hàng hóa chuyển qua biên giới nhưng không có sự thay đổi về quyền sở hữu giữa người cư trú và người không cư trú;

b) Vàng do Ngân hàng Nhà nước xuất, nhập khẩu phục vụ cho mục đích quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước;

c) Hàng hóa do khách du lịch, người lao động là người không cư trú chi tiêu tại Việt Nam và khách du lịch, người lao động là người cư trú chi tiêu tại nước ngoài;